

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2019/HSPT

Ngày 22-8- 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình.

Các thẩm phán:
Bà Nguyễn Thị Lan Anh
Bà Lương Hải Yến

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 41/2019/HSPT ngày 30 tháng 5 năm 2019 đối với các bị cáo Nguyễn Thị C, Chu Thị L, Phạm Thị H, Trần Văn T, Trần Mạnh T, Nguyễn Thị N, Phạm Thị N, Phạm Thị V, Nguyễn Thị H, Bùi Thị T, Đặng Thị T do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 53/2019/HSST ngày 18/4/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Bị cáo **Nguyễn Thị C** – sinh ngày 12/01/1974 tại Thái Bình.

Nơi cư trú: Số nhà A, đường L, tổ B, phường T1, thành phố T, tỉnh Thái Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Con ông Nguyễn Văn L và bà Phạm Thị T; có chồng là Nguyễn Ngọc T (đã ly hôn) và 02 con (con lớn sinh năm 1992, con nhỏ sinh năm 2002); Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giam từ ngày 01/8/2018 đến nay.

2. Bị cáo **Chu Thị L** – sinh ngày 24/6/1989 tại Thái Bình.

Nơi cư trú: Số nhà C, đường N, tổ D, phường T1, thành phố T, tỉnh Thái Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Chu Văn Đ và bà Phạm

Thị L; có chồng là Nguyễn Văn T, chưa có con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú.

3. Bị cáo **Phạm Thị H** – sinh ngày 14/8/1986 tại Thái Bình.

Nơi cư trú: Tổ E, phường H, thành phố T, tỉnh Thái Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 02/12; Con ông Phạm Đức C (đã chết) và mẹ là bà Nguyễn Thị V; có chồng là Đặng Văn T và 04 con, con lớn sinh năm 2003, con nhỏ sinh ngày 21/12/2018; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 31/12/2008 bị Công an thành phố T xử phạt vi phạm hành chính về hành vi bán lô đề, hình thức phạt tiền; Bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú.

4. Bị cáo **Trần Văn T** (tên gọi khác: **T1**) – sinh ngày 17/01/1993 tại Thái Bình.

Nơi cư trú: Số nhà G, tổ H, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12; Con ông Trần Ngọc T, sinh năm 1973 và bà Vũ Thị H (đã chết); có vợ là Vũ Thị Quế C; có 02 con (lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2014); Tiền án, tiền sự: Không; Bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú.

5. Bị cáo **Trần Mạnh T** – sinh ngày 07/9/1983 tại Thái Bình.

Nơi cư trú: Số nhà I, đường L, tổ K, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Trần Thanh V và bà Nguyễn Thị L; có vợ là Phạm Thị N và 02 con (con lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2012); Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Từ tháng 03/2002 đến tháng 01/2004 đi bộ đội, đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự; Bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú.

6. Bị cáo **Nguyễn Thị N1** – sinh ngày 28/7/1965 tại Thái Bình.

Nơi cư trú: Số nhà X, ngõ Y, đường T, tổ Z, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 10/10; Con ông Nguyễn Văn N3 (đã chết) và bà Nguyễn Thị T; có chồng là Đào Quốc V (đã ly hôn) và 01 con sinh năm 1993; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Bản án số 69/HSST ngày 17/6/2004 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 năm tính từ ngày 17/6/2004 về tội đánh bạc; Bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú.

7. Bị cáo **Bùi Thị T** – sinh ngày 20/4/1976 tại Thái Bình.

Nơi cư trú: Số nhà S, đường L, tổ R, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 07/12; Con ông Bùi Thế H và bà Vũ Thị Đ; có chồng là Phan Văn Q và 02 con (lớn sinh năm 1996, nhỏ sinh năm 2005); Tiền án, tiền sự: Không; Bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú.

8. Bị cáo **Phạm Thị V** – sinh ngày 08/12/1972 tại Thái Bình.

Nơi cư trú: Tổ M, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 07/10; Con ông Phạm Như T và bà Bùi Thị D; có chồng là Phạm Như K và 02 con (lớn sinh năm 1995, nhỏ sinh năm 2000); Tiền án, tiền sự: Không; Bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú.

9. Bị cáo **Phạm Thị N** – sinh ngày 30/8/1976 tại Thái Bình.

Nơi cư trú: Số nhà P, ngõ Q, đường H, tổ 12, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Giáo viên; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Phạm Ngọc T (đã chết) và bà Lê Thị N; có chồng là Trần Xuân T và có 02 con (lớn sinh năm 2003, nhỏ sinh năm 2014); Tiền án, tiền sự: Không; Bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú.

10. Bị cáo **Đặng Thị T** – sinh ngày 14/6/1989 tại Thái Bình.

Nơi cư trú: Số nhà L, ngõ M, đường N, tổ O, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 11/12; Con ông Đặng Văn M (đã chết) và bà Phạm Thị H; có chồng là Nguyễn Văn S và 03 con (con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh ngày 04/8/2018); Tiền án, tiền sự: Không; Bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú.

11. Bị cáo **Nguyễn Thị H** – sinh ngày 12/10/1971 tại Thái Bình.

Nơi cư trú: Số nhà X1, đường L, tổ X2, phường K, thành phố T, tỉnh Thái Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 07/12; Con ông Nguyễn Văn N (đã chết) và bà Đinh Thị N; Có chồng là Lương Đức S và có 02 con (lớn sinh năm 1995, nhỏ sinh năm 2002); Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 21/11/2007 bị Công an phường Lê Hồng Phong thành phố Thái Bình ra Quyết định xử phạt vi phạm hành vi về hành vi bán lô, đề, hình thức phạt tiền. Ngày 30/8/2016 bị Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm ma túy Công an tỉnh Thái Bình ra quyết định xử phạt vi phạm hành

chính về hành vi bán lô đề, hình thức phạt tiền; Bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú.

(Các bị cáo có mặt tại phiên tòa)

Trong vụ án còn có các bị cáo Vũ Hồng Q, Nguyễn Thị N2, Nguyễn Xuân H, Nguyễn Thị Xuân T, Trần Minh T, Đỗ Thị D, Nguyễn Trường H, Hoàng Thị N, Bùi Thị Thu H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng từ tháng 6/2018, Nguyễn Thị C sử dụng số điện thoại 01296919313 để đăng ký tài khoản Zalo “Hoa Hồng Đỏ” trên điện thoại di động Iphone 6, vỏ màu vàng để thực hiện giao dịch bán số lô, đề trái phép, C thuê Chu Thị L (em dâu C) nhận số lô, đề từ một số người mua, tổng hợp với số lô, đề do C trực tiếp nhận, sau đó đối chiếu với kết quả xổ số kiến thiết Miền Bắc cuối ngày để tính toán tiền thắng thua, thỏa thuận tiền công mỗi tháng C trả cho L 2.500.000 đồng, 03 tháng nhận tiền công 01 lần. C sử dụng mã QR để đăng nhập tài khoản trên máy tính xách tay nhãn hiệu Dell của L để L cùng sử dụng tài khoản Zalo “Hoa Hồng Đỏ”. Trong máy tính C lưu sẵn 01 file Excel “Bảng chấm công” đã được cài đặt các lệnh toán học, có tên của những người mua số lô, đề. C nói cho L biết tài khoản Zalo ứng với tên của người mua để L thuận tiện cho việc tổng hợp, tính tiền thắng thua lô, đề. Trong “Bảng chấm công” có nhiều trang (sheet), mỗi sheet là một người mua được mặc định các cột ký hiệu L (Lô), Đ (Đề), X (Xiên), C (3 càng và 4 càng). Hàng ngày, những người kết bạn với tài khoản Zalo “Hoa Hồng Đỏ” gửi tin nhắn mua số lô, số đề đến tài khoản Zalo “Hoa Hồng Đỏ”, nếu đồng ý bán thì C, L sẽ nhắn tin trả lời là OK hoặc 1,2, 3... ứng với từng tin nhắn. Sau khi nhận được tin nhắn, L sẽ nhập số liệu số lô, số đề vào các trang tương ứng, kết quả tự hiển thị. Những người mua số lô, số đề của C không phải trả tiền ngay mà sau khi có kết quả xổ số kiến thiết Miền Bắc ngày hôm đó, L đối chiếu, tính tiền thắng, thua của từng người sau khi đã trừ đi tiền đánh rồi lưu vào máy tính dưới dạng file PDF và gửi vào tài khoản Zalo “Hoa Hồng Đỏ” để C xem. Nếu số tiền mua lô, đề thấp hơn số tiền trúng thưởng thì ngày hôm sau C phải trả cho người mua số tiền chênh lệch. Nếu số tiền mua lô, đề cao hơn số tiền trúng thưởng thì ngày hôm sau người mua phải trả cho C số tiền chênh lệch. Nếu số tiền mua lô, đề bằng số tiền trúng thưởng thì C và người mua không phải thanh toán với nhau. Đến ngày hôm sau nếu có ai đến thanh toán tiền thì C sẽ

gọi điện cho L để L thanh toán, L làm một bảng thu chi trong ngày rồi gửi cho C qua Zalo.

Việc xác định số lô, số đề trúng thưởng giữa C và những người mua thống nhất như sau: Trúng đề nghĩa là một cặp số gồm 2 chữ số trùng với 2 số cuối của giải đặc biệt; Trúng 3 càng nghĩa là một cặp số gồm 3 chữ số trùng với 3 số cuối của giải đặc biệt; Trúng lô nghĩa là một cặp số gồm 2 chữ số trùng với 2 số cuối của các giải; Trúng lô xiên 2 nghĩa là một bộ lô gồm 2 cặp số trùng với 2 số cuối của các giải; Trúng lô xiên 3 nghĩa là một bộ lô gồm 3 cặp số trùng với 2 số cuối của các giải; Trúng lô xiên 4 nghĩa là một bộ lô gồm 4 cặp số trùng với 2 số cuối của các giải. Giá bán số lô, số đề và tiền trúng thưởng Châm thống nhất với từng người mua.

Quá trình điều tra xác định được những người mua số lô, số đề của Nguyễn Thị C gồm:

1. Trần Mạnh T sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 5SE, vỏ màu trắng bạc, lắp sim số điện thoại 0981604638 có đăng ký tài khoản Zalo “Akaka”, C lưu số điện thoại của T trong danh bạ là “Akaka” nên tự đồng bộ trong tài khoản Zalo “Hoa Hồng Đỏ” là “Akaka”, trong “Bảng chấm công” C lưu là “T Việt”. C bán số lô, số đề cho T với giá như sau: 01 vạch lô giá 21.800 đồng, nếu trúng được 80.000 đồng, 01 vạch đề giá 830 đồng, nếu trúng được 80.000 đồng, 01 vạch xiên giá 650 đồng, nếu trúng xiên 2 C trả số tiền 10.000 đồng, nếu trúng xiên 3 C trả số tiền 45.000 đồng, nếu trúng xiên 4 C trả số tiền là 150.000 đồng. 01 vạch 3 càng giá 800 đồng, nếu trúng được 400.000 đồng.

Ngày 27/7/2018, Trần Mạnh T mua của C gồm 5995 vạch Lô = 130.691.000 đồng, 16065 vạch Đề = 13.333.950 đồng, 595 vạch 3 Càng = 476.000 đồng, tổng tiền mua lô, đề là 144.500.950 đồng. T trúng 540 vạch Đề = 43.200.000 đồng, 1770 vạch Lô = 141.600.000 đồng, áp 3 càng = 1.000.000 đồng, cộng là 185.800.000 đồng. Tổng số tiền sử dụng để đánh bạc là 330.300.950 đồng. Sau khi đối trừ tiền mua lô, đề và tiền trúng, C phải trả cho T 41.299.050 đồng, chưa thanh toán với nhau.

Ngày 28/7/2018, Trần Mạnh T mua của C gồm 6610 vạch Lô = 144.098.000 đồng, 17190 vạch đề = 14.267.700 đồng, 3450 vạch Xiên = 2.242.500 đồng, 9760 vạch 3 Càng = 7.808.000 đồng, tổng tiền mua lô, đề là 168.416.200 đồng. T trúng 200 vạch Đề = 16.000.000 đồng, 2650 vạch Lô = 212.000.000 đồng, cộng là 228.000.000 đồng. Tổng số tiền sử dụng để đánh bạc là 396.416.200 đồng. Sau khi đối trừ tiền mua lô, đề và tiền trúng, C phải trả cho T 59.583.800 đồng, chưa thanh toán với nhau.

2. Vũ Hồng Q sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Galaxy Note 5, vỏ màu vàng, lắp sim số điện thoại 01642356550 có đăng ký tài khoản Zalo “Hồng Q”, C lưu số điện thoại của Q trong danh bạ là “A Quan Nở”, tự đồng bộ trong tài khoản Zalo “Hoa Hồng Đỏ” là “A Quan Nở”, trong “Bảng chấm công” C lưu là “Anh Q”, C thỏa thuận bán cho Q: 01 vạch lô giá 21.800 đồng, nếu trúng thì được 80.000 đồng; 01 vạch đề giá 830 đồng, nếu trúng thì được 80.000 đồng; 01 vạch xiên giá 700 đồng, nếu trúng xiên 2 trả số tiền 10.000 đồng, nếu trúng xiên 3 trả số tiền 45.000 đồng, nếu trúng xiên 4 trả số tiền là 150.000 đồng, 01 vạch 3 càng giá 800 đồng, nếu trúng trả số tiền 400.000 đồng.

Ngày 27/7/2018, Q mua của C gồm 90 vạch Lô = 1.962.000 đồng, 4200 vạch Đề = 3.486.000 đồng, 1700 vạch Xiên = 1.190.000 đồng, 330 vạch 3 Càng = 264.000 đồng, tổng số tiền mua lô, đề là 6.902.000 đồng. Q trúng 35 vạch Lô = 2.800.000 đồng, 900 vạch Đề = 72.000.000 đồng, 500 vạch Xiên = 5.000.000 đồng, cộng là 79.800.000 đồng. Tổng số tiền sử dụng để đánh bạc là 86.702.000 đồng. Sau khi đối trừ tiền mua và trúng lô đề C đã trả cho Q 72.898.000 đồng.

Ngày 28/7/2018, Q mua của C gồm 6410 vạch Đề = 5.320.300 đồng, 260 vạch Lô = 5.668.000 đồng, 1700 vạch Xiên = 1.190.000 đồng, tổng số tiền mua lô, Đề là 12.178.300 đồng. Q trúng: 10 vạch Đề = 800.000 đồng (số đề 33). Tổng số tiền sử dụng để đánh bạc là 12.978.300 đồng. Sau khi đối trừ tiền mua và tiền trúng lô, đề Q phải trả cho C 11.378.300 đồng, chưa thanh toán với nhau.

3. Bùi Thị T sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 5S, vỏ màu vàng, lắp sim số điện thoại 01654179668 có đăng ký tài khoản Zalo “Phan Anh”. C lưu số điện thoại của T trong danh bạ là “Phan Anh” nên tự đồng bộ trong tài khoản Zalo “Hoa Hồng Đỏ” là “Phan Anh”, trong “Bảng chấm công” C lưu là “T Quang”. C bán số lô, số đề cho T với giá như sau: 01 vạch lô giá 21.800 đồng, nếu trúng được 80.000 đồng. 01 vạch đề giá 750 đồng, nếu trúng được 80.000 đồng. 01 vạch xiên giá 650 đồng, nếu trúng xiên 2 C trả số tiền 10.000 đồng; nếu trúng xiên 3 C sẽ trả số tiền 45.000 đồng; nếu trúng xiên 4 C sẽ trả số tiền là 150.000 đồng. 01 vạch 3 càng giá 800 đồng, nếu trúng thì được 400.000 đồng.

Ngày 27/7/2018, Bùi Thị T mua của C gồm 601 vạch Lô = 13.101.800 đồng, 11976 vạch Đề = 8.982.000 đồng, 910 vạch 3 Càng = 728.000 đồng, 1675 vạch Xiên = 1.088.750 đồng, tổng tiền mua lô đề là 23.900.550 đồng. T trúng 10 vạch Đề = 700.000 đồng, 249 vạch Lô = 19.920.000 đồng, 280 vạch Xiên = 2.800.000 đồng, cộng là 23.420.000 đồng. Tổng số tiền sử dụng để đánh bạc là 47.320.550 đồng. Sau khi đối trừ tiền mua lô, đề và tiền trúng, Bùi Thị T phải trả C 480.550 đồng, chưa thanh toán với nhau.

Ngày 28/7/2018, Bùi Thị T mua số lô, số đề của C gồm 610 vạch Lô = 13.298.000 đồng, 17657 vạch Đề = 13.242.750 đồng, 490 vạch 3 Càng = 392.000 đồng, 1500 vạch Xiên = 975.000 đồng, tổng tiền mua lô đề là 27.907.750 đồng. Bùi Thị T trúng 248 vạch Lô = 19.840.000 đồng. Tổng số tiền sử dụng để đánh bạc là 47.747.750 đồng. Sau khi đối trừ tiền mua lô đề và tiền trúng, Bùi Thị T phải trả C 8.067.750 đồng, chưa thanh toán với nhau.

4. Nguyễn Thị N1 sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J7, vỏ màu vàng, lắp sim số điện thoại 0915659268 có đăng ký tài khoản Zalo “Nguyenthinga”. C lưu số điện thoại của N1 trong danh bạ là “Nguyenthinga”, tự đồng bộ trong tài khoản Zalo “Hoa Hồng Đỏ” là “Nguyenthinga”, trong “Bảng chấm công” C lưu là “Chị N Ngôn”. C bán số lô, số đề cho N1 với giá như sau: 01 vạch lô giá 21.700 đồng, nếu trúng được 80.000 đồng, 01 vạch đề giá 720 đồng, nếu trúng được 70.000 đồng. 01 vạch xiên giá 600 đồng, nếu trúng xiên 2 C trả 10.000 đồng, nếu trúng xiên 3 C trả 45.000 đồng, nếu trúng xiên 4 C trả số tiền là 150.000 đồng. 01 vạch 3 càng giá 700 đồng, nếu trúng được 400.000 đồng.

Ngày 26/7/2018, N1 mua của C: 3370 vạch Đề = 2.426.400 đồng, 1080 vạch Lô = 23.436.000 đồng, 205 vạch 3 Càng = 143.500 đồng, tổng tiền mua lô, đề là 26.005.900 đồng. N1 không trúng thưởng. Tổng số tiền sử dụng để đánh bạc là 26.005.900 đồng. N1 đã trả cho C 26.005.900 đồng.

Ngày 27/7/2018, N1 mua của C: 365 vạch Lô = 7.920.500 đồng, 2020 vạch Đề = 1.454.400 đồng, 490 vạch 3 Càng = 343.000 đồng, tổng số tiền mua lô, đề là 9.717.900 đồng. N1 trúng 30 vạch Đề = 2.100.000 đồng, 315 vạch Lô = 25.200.000 đồng, cộng là 27.300.000 đồng. Tổng số tiền sử dụng để đánh bạc là 37.017.900 đồng. Sau khi đối trừ tiền mua lô, đề và tiền trúng, C đã trả cho N1 17.582.100 đồng.

Ngày 28/7/2018, N1 mua của C gồm 9713 vạch Đề = 6.993.360 đồng, 450 vạch Lô = 9.765.000 đồng, 526 vạch 3 Càng = 368.200 đồng, tổng tiền mua lô, đề là 17.126.560 đồng. N1 trúng 205 vạch Đề = 14.350.000 đồng, 60 vạch Lô = 4.800.000 đồng, cộng là 19.150.000 đồng. Tổng số tiền sử dụng để đánh bạc là 36.276.560 đồng. Sau khi đối trừ tiền mua lô đề và tiền trúng, C phải trả N1 2.023.440 đồng, nhưng chưa thanh toán.

5. Nguyễn Thị N2 sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus, vỏ màu xám, lắp sim số điện thoại 0936689836 để đăng ký tài khoản Zalo “Nguyenthingoan”. C lưu số điện thoại của N2 trong danh bạ là “Nguyenthingoan” nên tự đồng bộ trong tài khoản Zalo “Hoa Hồng Đỏ” là “Nguyenthingoan”, trong “Bảng chấm công” C lưu là “N2”. C bán số lô, số đề cho N2 với giá như sau: 01

vạch lô giá 21.800 đồng, nếu trúng thì được 80.000 đồng, 01 vạch đề giá 730 đồng, nếu trúng thì được 70.000 đồng. 01 vạch xiên giá 650 đồng, nếu trúng xiên 2 C sẽ trả số tiền 10.000 đồng; nếu trúng xiên 3 C sẽ trả số tiền 45.000 đồng; nếu trúng xiên 4 C sẽ trả số tiền là 150.000 đồng. 01 vạch 3 càng giá 800 đồng, nếu trúng thì được 400.000 đồng.

Ngày 26/7/2018, N2 mua số lô, số đề của C gồm 145 vạch Đề = 105.850 đồng, 320 vạch Lô = 6.976.000 đồng, 200 vạch Xiên = 130.000 đồng, tổng số tiền mua lô, đề là 7.211.850 đồng. N2 trúng 170 vạch Lô = 13.600.000 đồng, 200 vạch Xiên = 2.000.000 đồng, cộng là 15.600.000 đồng. Tổng số tiền sử dụng để đánh bạc là 22.811.850 đồng. Sau khi đối trừ tiền mua lô, đề và tiền trúng, C đã trả N2 8.388.150 đồng.

Ngày 27/7/2018, N2 mua của C gồm 410 vạch Đề = 299.300 đồng, 620 vạch Lô = 13.516.000 đồng, 950 vạch Xiên = 617.500 đồng, tổng số tiền mua lô, đề là 14.432.800 đồng. N2 trúng 170 vạch Lô = 13.600.000 đồng. Tổng số tiền sử dụng để đánh bạc là 28.032.800 đồng. Sau khi đối trừ tiền mua lô đề và tiền trúng, N2 đã trả cho C 832.800 đồng.

Ngày 28/7/2018, N2 mua của C gồm 420 vạch Lô = 9.156.000 đồng, 200 vạch Xiên = 130.000 đồng, 10 vạch 3 Càng = 8.000 đồng, tổng số tiền mua lô đề là 9.294.000 đồng. N2 trúng thưởng: 233 vạch Lô = 18.640.000 đồng. Tổng số tiền sử dụng để đánh bạc là 27.934.000 đồng. Sau khi đối trừ tiền mua lô, đề và tiền trúng, C phải trả cho N2 9.346.000 đồng, chưa thanh toán với nhau.

6. Phạm Thị V sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A51W vỏ màu trắng, lắp sim số điện thoại 0936941425 có đăng ký tài khoản Zalo “Hà Nam”. C lưu số điện thoại của V trong danh bạ là “Hà Nam”, tự đồng bộ trong tài khoản Zalo “Hoa Hồng Đỏ” là “Hà Nam”, trong “Bảng chấm công” Châm lưu là “Chị V”. C bán số lô, đề cho V với giá như sau: 01 vạch lô giá 21.800 đồng, nếu trúng thì được 80.000 đồng. 01 vạch đề giá 730 đồng, nếu trúng thì được 70.000 đồng. 01 vạch xiên giá 650 đồng, nếu trúng xiên 2 trả số tiền 10.000 đồng, nếu trúng xiên 3 trả số tiền 45.000 đồng, nếu trúng xiên 4 trả số tiền là 150.000 đồng, 01 vạch 3 càng giá 800 đồng, nếu trúng thì được 400.000 đồng.

Ngày 27/7/2018, V mua của C gồm 632,5 vạch Lô = 13.788.500 đồng, 667 vạch Đề = 486.910 đồng, 440 vạch Xiên = 286.000 đồng, 165 vạch 3 Càng = 132.000 đồng, tổng tiền mua lô, đề là 14.693.410 đồng. V trúng 1,5 vạch Đề = 105.000 đồng, 360 vạch Lô = 28.800.000 đồng, cộng là 28.905.000 đồng. Tổng số tiền sử dụng để đánh bạc là 43.598.410 đồng. Sau khi đối trừ tiền mua, tiền trúng lô, đề, C đã trả cho V 14.211.590 đồng.

Ngày 28/7/2018, V mua của C gồm 452,5 vạch Lô = 9.864.500 đồng, 1660 vạch Đề = 1.211.800 đồng, 360 vạch Xiên = 234.000 đồng, 140 vạch 3 Càng = 112.000 đồng, tổng tiền mua lô, đề là 11.422.300 đồng. V trúng 190 vạch Lô = 15.200.000 đồng. Tổng số tiền sử dụng để đánh bạc là 26.622.300 đồng. Sau khi đối trừ tiền mua và tiền trúng lô, đề, C phải trả cho V 3.777.700 đồng, chưa thanh toán với nhau.

7. Phạm Thị N sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, vỏ màu đen, lắp sim số điện thoại 0912021976 có đăng ký tài khoản Zalo “Lầu Lầu”. C lưu số điện thoại của N trong danh bạ là “C nga nguyên” nên tự đồng bộ trong tài khoản Zalo “Hoa Hồng Đỏ” là “C nga nguyên”, trong “Bảng chấm công” C lưu là “Chị N Nguyên”. C bán số lô, đề cho Phạm Thị N với giá như sau: 01 vạch lô giá 21.700 đồng, nếu trúng được 80.000 đồng. 01 vạch đề giá 720 đồng, nếu trúng được 70.000 đồng. 01 vạch xiên giá 600 đồng, nếu trúng C sẽ trả xiên 2 số tiền 10.000 đồng, xiên 3 số tiền 45.000 đồng, nếu trúng xiên 4 số tiền là 150.000 đồng. 01 vạch 3 càng giá 700 đồng, nếu trúng được 400.000 đồng.

Ngày 26/7/2018, Phạm Thị N mua của C gồm 751 vạch Lô = 16.296.700 đồng, 1865 vạch Đề = 1.342.800 đồng, 510 vạch Xiên = 306.000 đồng, 150 vạch 3 Càng = 105.000 đồng, tổng tiền mua lô, đề là 18.050.500 đồng. Phạm Thị N trúng 36 vạch Đề = 2.520.000 đồng, 97 vạch Lô = 7.760.000 đồng, cộng là 10.280.000 đồng. Tổng số tiền sử dụng để đánh bạc là 28.330.500 đồng. Sau khi đối trừ tiền mua và tiền trúng lô, đề Phạm Thị N đã trả cho C 7.770.500 đồng.

Ngày 27/7/2018, Phạm Thị N mua của C gồm 707 vạch Lô = 15.341.900 đồng, 3561 vạch Đề = 2.563.920 đồng, 665 vạch Xiên = 399.000 đồng, 60 vạch 3 Càng = 42.000 đồng, tổng tiền mua lô, đề là 18.346.820 đồng. N trúng 20 vạch Xiên = 200.000 đồng, 71 vạch Lô = 5.680.000 đồng, cộng là 5.880.000 đồng. Tổng số tiền sử dụng để đánh bạc là 24.226.820 đồng. Sau khi đối trừ tiền mua lô đề và tiền trúng, Phạm Thị N đã trả cho C 12.466.820 đồng.

Ngày 28/7/2018, Phạm Thị N mua của C gồm 332 vạch Lô = 7.204.400 đồng, 1682 vạch Đề = 1.211.040 đồng, 215 vạch Xiên = 129.000 đồng, 290 vạch 3 Càng = 203.000 đồng, tổng tiền mua lô, đề là 8.747.440 đồng. Phạm Thị N trúng thưởng 3 vạch Đề = 210.000 đồng, 84 vạch Lô = 6.720.000 đồng, cộng là 6.930.000 đồng. Tổng số tiền sử dụng để đánh bạc là 15.677.440 đồng. Sau khi đối trừ tiền mua lô đề và tiền trúng, Phạm Thị N phải trả cho C 1.817.440 đồng, chưa thanh toán với nhau.

8. Đặng Thị T sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung Galaxy J2 Pro, vỏ màu đen, lắp sim số điện thoại 01698876667 để đăng ký tài khoản Zalo “Đặng T4”. C lưu số điện thoại của T trong danh bạ là “Đặng T4” nên tự đồng bộ trong tài

khoản Zalo “Hoa Hồng Đỏ” là “Đăng T”, trong “Bảng chấm công” Châm lưu là “T HD”. C bán số lô, số đề cho T với giá như sau: 01 vạch lô giá 21.800 đồng, nếu trúng được 80.000 đồng. 01 vạch đề giá 830 đồng, nếu trúng được 80.000 đồng. 01 vạch xiên giá 600 đồng, nếu trúng xiên 2 C sẽ trả số tiền 10.000 đồng; nếu trúng xiên 3 C sẽ trả số tiền 45.000 đồng; nếu trúng xiên 4 C sẽ trả số tiền là 150.000 đồng. 01 vạch 3 càng giá 800 đồng, nếu trúng thì được 400.000 đồng.

Ngày 28/7/2018, Đặng Thị T mua của C gồm 825 vạch Đề = 684.750 đồng, 50 vạch Lô = 1.090.000 đồng, 50 vạch Xiên = 30.000 đồng, tổng số tiền mua lô đề là 1.804.750 đồng. Đặng Thị T trúng: 490 vạch Đề = 39.200.000 đồng, 30 vạch Lô = 2.400.000 đồng, cộng là 41.600.000 đồng. Tổng số tiền sử dụng để đánh bạc là 43.404.750 đồng. Sau khi đối trừ tiền mua lô, đề và tiền trúng, C phải trả Đặng Thị T 39.795.250 đồng, nhưng chưa thanh toán với nhau.

9. Nguyễn Thị H sử dụng điện thoại di động, màn hình cảm ứng (H trình bày đã bị mất điện thoại vào chiều ngày 29/7/2018, H không nhớ đặc điểm điện thoại), lắp sim số điện thoại 01657751971 có đăng ký tài khoản Zalo “Hoa Chien”. C lưu số điện thoại của H trong danh bạ là “Hoa Chien” nên tự đồng bộ trong tài khoản Zalo “Hoa Hồng Đỏ” là “Hoa Chien”, trong “Bảng chấm công” C lưu là “Chị H”. C bán số lô, đề cho H với giá như sau: 01 vạch lô giá 21.800 đồng, nếu trúng được 80.000 đồng. 01 vạch đề giá 730 đồng, nếu trúng được 80.000 đồng. 01 vạch xiên giá 600 đồng, nếu trúng xiên 2 C sẽ trả số tiền 10.000 đồng; nếu trúng xiên 3 C sẽ trả số tiền 45.000 đồng; nếu trúng xiên 4 C sẽ trả số tiền là 150.000 đồng. 01 vạch càng giá 800 đồng, nếu trúng được 400.000 đồng.

Ngày 27/7/2018, Nguyễn Thị H mua của C gồm 237 vạch Lô = 5.166.600 đồng, 3212 vạch Đề = 2.344.760 đồng, 180 vạch 3 Càng = 144.000 đồng, 550 vạch Xiên = 330.000 đồng, tổng số tiền mua lô đề là 7.985.360 đồng. H trúng: 40 vạch Lô = 3.200.000 đồng. Tổng số tiền sử dụng để đánh bạc là 11.185.360 đồng. Sau khi đối trừ tiền mua lô đề và tiền trúng, Nguyễn Thị H đã trả cho C 4.785.360 đồng.

Ngày 28/7/2018, Nguyễn Thị H mua của C gồm 110 vạch Lô = 2.398.000 đồng, 221,5 vạch Đề = 161.695 đồng, 20 vạch 3 Càng = 16.000 đồng, 499 vạch Xiên = 299.400 đồng, tổng số tiền mua lô đề là 2.875.095 đồng. Nguyễn Thị H trúng 44 vạch Lô = 3.520.000 đồng. Tổng số tiền sử dụng để đánh bạc là 6.395.095 đồng. Sau khi đối trừ tiền mua lô đề và tiền trúng, C phải trả Nguyễn Thị H 644.905 đồng, nhưng chưa thanh toán với nhau.

10. Phạm Thị H sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, vỏ màu vàng, lắp sim số điện thoại 0968710562 để đăng ký tài khoản Zalo “Tài Phát”. C lưu số điện thoại của H trong danh bạ là “Tài Phát” nên tự đồng bộ trong tài khoản Zalo

“Hoa Hồng Đỏ” là “Tài Phát”, trong “Bảng chấm công” C lưu là “Tinh”. C bán số lô, đề cho H với giá như sau: 01 vạch lô giá 21.700 đồng, nếu trúng được 80.000 đồng. 01 vạch đề giá 830 đồng, nếu trúng được 80.000 đồng. 01 vạch đề giá 720 đồng, nếu trúng thưởng thì được 70.000 đồng. 01 vạch xiên giá 600 đồng, nếu trúng xiên 2 C sẽ trả số tiền 10.000 đồng; nếu trúng xiên 3 C sẽ trả số tiền 45.000 đồng; nếu trúng xiên 4 C sẽ trả số tiền 150.000 đồng. 01 vạch 3 càng giá 750 đồng, nếu trúng thì được 400.000 đồng.

Ngày 27/7/2018, Phạm Thị H mua của C gồm 1640 vạch đề (loại giá 830 đồng) = 1.344.800 đồng, 275 vạch đề (loại giá 720 đồng) = 198.000 đồng, 300 vạch Lô = 6.510.000 đồng, 4775 vạch Xiên = 2.865.000 đồng, tổng số tiền mua lô, đề là 10.917.800 đồng, H không trúng thưởng. Tổng số tiền sử dụng để đánh bạc là 10.917.800 đồng. Sau khi đối trừ tiền mua lô đề và tiền trúng, Phạm Thị H đã trả cho C 10.917.800 đồng.

Ngày 28/7/2018, Phạm Thị H mua của C gồm 1280 vạch đề (loại giá 830 đồng) = 1.049.600 đồng, 275 vạch đề (loại giá 720 đồng) = 198.000 đồng, 390 vạch Lô = 8.463.000 đồng, 2130 vạch Xiên = 1.278.000 đồng, 250 vạch 3 Càng = 187.500 đồng, tổng số tiền mua lô, đề là 11.176.100 đồng. H trúng: 15 vạch Lô = 1.200.000 đồng. Tổng số tiền sử dụng để đánh bạc là 12.376.100 đồng. Sau khi đối trừ tiền mua lô, đề và tiền trúng, Phạm Thị H phải trả C 9.976.100 đồng, nhưng chưa thanh toán với nhau.

11. Bùi Thị Thu H sử dụng điện thoại di động Samsung vỏ màu vàng, màn hình cảm ứng, lắp sim số điện thoại 0948347438 để đăng ký tài khoản Zalo “Thu Ha” (H trình bày mất điện thoại vào tối ngày 28/7/2018). C lưu số điện thoại của H trong danh bạ là “Thu H” nên tự đồng bộ trong tài khoản Zalo “Hoa Hồng Đỏ” là “Thu H”, trong “Bảng chấm công” C lưu là “Chị H”. C bán số lô, đề cho H3 với giá như sau: 01 vạch lô giá 21.700 đồng, nếu trúng được 80.000 đồng. 01 vạch đề giá 720 đồng, nếu trúng được 70.000 đồng. 01 vạch xiên giá 600 đồng, nếu trúng xiên 2 C trả số tiền 10.000 đồng; nếu trúng xiên 3 C sẽ trả số tiền 45.000 đồng; nếu trúng xiên 4 C sẽ trả số tiền 150.000 đồng. 01 vạch 3 càng giá 750 đồng, nếu trúng thì được 400.000 đồng.

Ngày 27/7/2018, Bùi Thị Thu H mua của C: 6047 vạch Đề = 4.535.000 đồng; 140 vạch Lô = 3.038.000 đồng; 1490 vạch Xiên = 894.000 đồng, tổng số tiền mua lô, đề là 8.315.000 đồng, H không trúng thưởng. Tổng số tiền sử dụng để đánh bạc là 8.315.000 đồng. Bùi Thị Thu H đã trả C số tiền là 8.315.000 đồng.

Ngoài hành vi mua số lô, đề của C, bị cáo Phạm Thị H còn thực hiện hành vi bán số lô, số đề với những người khác. Từ đầu năm 2018, H thuê Trần Văn T (tức

T1) đi thanh toán tiền với các đối tượng mua bán số lô, số đề cho Phạm Thị H, mỗi tháng Phạm Thị H trả cho Trần Văn T 3.000.000 đồng tiền công, thỏa thuận cuối năm thanh toán. H sử dụng tài khoản Zalo “Tài Phát” để thực hiện giao dịch mua bán số lô, số đề. Hàng ngày, những người kết bạn với tài khoản Zalo “Tài Phát” gửi tin nhắn mua số lô, đề đến tài khoản Zalo “Tài Phát”, nếu đồng ý bán thì H nhắn tin trả lời là OK hoặc 1,2,3... ứng với từng tin nhắn. Những người mua lô, đề của H không phải trả tiền ngay mà sau khi có kết quả xổ số kiến thiết Miền Bắc ngày hôm đó, H sẽ đối chiếu, tính tiền thắng, thua của từng người chơi sau khi đã trừ tiền mua lô, đề, ghi lại số tiền họ thắng, thua vào giấy chụp hình lại và sử dụng tài khoản Facebook “Hương Tình Phạm” gửi tin nhắn hình ảnh đến tài khoản Facebook “Tùng Thủy” của T để T đi thanh toán tiền vào chiều hôm sau.

Giá bán số lô, đề và tiền trúng Phạm Thị H thống nhất với từng người mua. Quá trình điều tra xác định những người mua bán số lô, đề với Phạm Thị H gồm:

1. Nguyễn Trường H sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A33W, vỏ màu đen, lắp sim số điện thoại 0984823011 để đăng ký tài khoản Zalo “Nguyenthanh” và gửi tin nhắn mua lô, đề. Phạm Thị H bán số lô, đề cho Nguyễn Trường H với giá như sau: 01 vạch lô giá 21.800 đồng, nếu trúng được 80.000 đồng, 01 vạch đề giá 830 đồng, nếu trúng thì được 80.000 đồng, 01 vạch xiên giá 750 đồng, nếu trúng xiên 2 Phạm Thị H sẽ trả số tiền là 10.000 đồng; nếu trúng xiên 3 Phạm Thị H sẽ trả số tiền 45.000 đồng; nếu trúng xiên 4 Phạm Thị H sẽ trả số tiền là 150.000 đồng. 01 vạch 3 càng giá 800 đồng, nếu trúng thì được 400.000 đồng.

Ngày 28/7/2018, Nguyễn Trường H mua của Phạm Thị H 200 vạch Lô = 4.360.000 đồng; 2405 vạch Đề = 1.996.150 đồng; 2050 vạch Xiên = 1.537.500 đồng, tổng số tiền mua lô, đề là 7.893.650 đồng, Nguyễn Trường H trúng 80 vạch Lô = 6.400.000 đồng. Tổng số tiền sử dụng để đánh bạc là 14.293.650 đồng. Sau khi đối trừ tiền mua lô, đề và tiền trúng, Nguyễn Trường H phải trả cho Phạm Thị H 1.493.650 đồng, nhưng chưa thanh toán với nhau.

2. Nguyễn Xuân H sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE X, vỏ màu trắng, lắp sim số điện thoại 0942192169 gọi đến số điện thoại 01238129999 của Phạm Thị H. Phạm Thị H bán cho Nguyễn Xuân H với giá như sau: 01 vạch lô giá 22.000 đồng, nếu trúng được 80.000 đồng, 01 vạch đề giá 1.000 đồng, nếu trúng được 80.000 đồng.

Ngày 27/7/2018, Nguyễn Xuân H mua số lô, đề của Phạm Thị H: 30 vạch Đề (số 83) = 30.000 đồng, 300 vạch Đề (số 38) = 300.000 đồng; 100 vạch Lô (số 16) = 2.200.000 đồng, tổng số tiền mua lô, đề là 2.530.000 đồng. Nguyễn Xuân H trúng: 100 vạch Lô (số 16) = 8.000.000 đồng. Tổng số tiền sử dụng để đánh bạc là

10.530.000 đồng. Sau khi đối trừ tiền mua lô, đề và tiền trúng, Phạm Thị H đã trả Nguyễn Xuân H 5.470.000 đồng.

3. Nguyễn Thị Xuân T sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 6, vỏ màu đen, lắp sim số điện thoại 0966223243 để đăng ký tài khoản Zalo “Thu Mỹ” và gửi tin nhắn mua lô đề. Phạm Thị H bán số lô, đề cho T với giá như sau: 01 vạch đề giá 830 đồng, nếu trúng được 80.000 đồng; 01 vạch lô giá 21.800 đồng, nếu trúng được 80.000 đồng.

Khoảng 17 giờ ngày 27/7/2018, Trần Minh T sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu XPHONE, vỏ màu tím than, lắp sim số thuê bao 0968697199 gọi đến số điện thoại di động 0965317856 nhãn hiệu MobiiStar B221, vỏ màu đen của Đỗ Thị D nhờ D mua hộ T 2 số lô (gồm số 73 = 200 vạch, số 46 = 200 vạch), D đồng ý và đến nhà Trần Thị Xuân T (Là vợ của D) mua hộ Trần Minh T 02 số lô trên với số tiền là 9.200.000 đồng (01 vạch lô Trần Thị Xuân T bán với giá 23.000 đồng, nếu trúng được 80.000 đồng). Trần Thị Xuân T đồng ý bán và gửi hai số lô này cho Phạm Thị H, cụ thể: 200 vạch Lô (số 73) = 4.360.000 đồng, 200 vạch Lô (số 46) = 4.360.000 đồng, tổng số tiền mua lô, đề là 8.720.000 đồng, Trần Thị Xuân T trúng : 200 vạch Lô (số 73) = 16.000.000 đồng. Tổng số tiền sử dụng để đánh bạc là 24.720.000 đồng. Sau khi đối trừ tiền mua lô, đề và tiền trúng, Phạm Thị H đã trả Trần Thị Xuân T 7.280.000 đồng. Trần Minh T trúng 200 vạch lô (số 73) = 16.000.000 đồng. Sau khi trừ tiền mua số lô, Trần Thị Xuân T đã thanh toán cho D 6.800.000 đồng. Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 31/7/2018, tại nhà D, D đã đưa cho Trần Minh T 6.800.000 đồng. Trần Thị Xuân T đã thu lời 480.000 đồng.

4. Hoàng Thị N sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 6 PLUS, vỏ màu vàng, lắp sim số điện thoại 0976305769 để đăng ký tài khoản Zalo “Ngọc” và gửi tin nhắn mua lô, đề. Phạm Thị H bán số lô, đề cho Hoàng Thị N với giá như sau: 01 vạch lô giá 21.800 đồng, nếu trúng được 80.000 đồng. 01 vạch đề giá 830 đồng, nếu trúng được 80.000 đồng. 01 vạch xiên giá 650 đồng, nếu trúng xiên 2 Phạm Thị H sẽ trả số tiền là 10.000 đồng; nếu trúng xiên 3 Phạm Thị H sẽ trả số tiền 45.000 đồng; nếu trúng xiên 4 Phạm Thị H sẽ trả số tiền là 150.000 đồng. 01 vạch 3 càng giá 800 đồng, nếu trúng được 400.000 đồng.

Ngày 28/7/2018, Hoàng Thị N mua số lô, đề của Phạm Thị H: 1425 vạch Đề = 1.182.750 đồng, 490 vạch Lô = 10.682.000 đồng, 440 vạch Xiên = 286.000 đồng, tổng số tiền mua lô, đề là 12.150.750 đồng. Hoàng Thị N trúng 5 vạch Đề = 400.000 đồng, 240 vạch Lô = 19.200.000 đồng, cộng là 19.600.000 đồng. Tổng số tiền sử dụng để đánh bạc là 31.750.750 đồng. Sau khi đối trừ tiền mua lô, đề và tiền trúng,

Phạm Thị H phải trả cho Hoàng Thị N 7.449.250 đồng, nhưng chưa thanh toán với nhau.

Ngoài ra, ngày 25/7/2018, Phạm Thị H sử dụng tài khoản Zalo “Tài phát” gửi tin nhắn đến tài khoản Zalo “Đăng T” của Đặng Thị T để mua số lô, đề: 212 vạch lô x 21.800 đồng = 4.621.100 đồng, 10 vạch xiên x 650 đồng = 6.500 đồng, tổng số tiền mua lô, đề là 4.628.100 đồng. H1 đã trúng 50 vạch Lô = 4.000.000 đồng. Tổng số tiền Phạm Thị H đánh bạc với Đặng Thị T là 8.627.600 đồng. Sau khi đối trừ tiền mua lô, đề và tiền trúng, H đã trả T 628.100 đồng.

Bản án hình sự sơ thẩm số 53/2019/HSST ngày 18 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị C, Chu Thị L, Phạm Thị H và Trần Văn T (tên khác: T1) phạm tội “Tổ chức đánh bạc”. Các bị cáo Trần Mạnh T, Vũ Hồng Q, Phạm Thị V, Phạm Thị N, Nguyễn Thị N, Bùi Thị T, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị N2, Đặng Thị T, Nguyễn Xuân H, Hoàng Thị N, Nguyễn Thị Xuân T, Trần Minh T, Đỗ Thị D, Nguyễn Trường H và Bùi Thị Thu H phạm tội “Đánh bạc”.

+ Áp dụng điểm c, d khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị C 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 01/8/2018.

+ Áp dụng điểm c, d khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 50, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Chu Thị L 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

+ Áp dụng điểm c, d khoản 1 Điều 322; điểm n, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 50, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Thị H 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

+ Áp dụng điểm c, d khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 50, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Văn T (tên khác: T1) 01 (một) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

+ Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 50, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Mạnh T 03 (ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 50, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị N 01(một) năm 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s, t khoản 1, 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 50, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Thị N 01(một) năm 03(ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 50, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Thị V 02 (hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 50, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H 01(một) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 50, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Bùi Thị T 02 (hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm n, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 50, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Đặng Thị T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

+ Bản án sơ thẩm còn xử phạt bị cáo Vũ Hồng Q 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án; xử phạt bị cáo Nguyễn Thị N2 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án; xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân H 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án; xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Xuân T 09 (chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 18/4/2019; xử phạt bị cáo Trần Minh T 01 (một) năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 18/4/2019; xử phạt bị cáo Đỗ Thị D 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 18/4/2019; xử phạt bị cáo Nguyễn Trường H 07 (bảy) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 14 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 18/4/2019; xử phạt bị cáo Hoàng Thị N 01(một) năm 03 (ba) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo,

thời gian thử thách là 30 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 18/4/2019; xử phạt bị cáo Bùi Thị Thu H 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng.

+ Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về hình phạt bổ sung, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, trong thời hạn 15 ngày, các bị cáo Nguyễn Thị C và Chu Thị L kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt; các bị cáo Phạm Thị H, Trần Văn T, Trần Mạnh T, Nguyễn Thị N1, Phạm Thị N, Phạm Thị V, Nguyễn Thị H, Bùi Thị T, Đặng Thị T có đơn kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo và trình bày rõ các bị cáo chỉ kháng cáo phần hình phạt chính. Các bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung án sơ thẩm và thể hiện thái độ ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình sau khi phân tích toàn bộ nội dung vụ án, xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo kháng cáo, xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân cũng như nội dung kháng cáo của các bị cáo, đã đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điều 356; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị C, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo 03 tháng tù; chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Phạm Thị V, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo từ 06 đến 09 tháng tù; Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Chu Thị L; Phạm Thị H, Trần Văn T, Trần Mạnh T, Nguyễn Thị N1, Phạm Thị N, Nguyễn Thị H, Bùi Thị T, Đặng Thị T.

Căn cứ vào những chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Kháng cáo của các bị cáo làm trong thời hạn luật định là hợp lệ nên được chấp nhận xem xét theo trình tự xét xử phúc thẩm.

[2] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo Nguyễn Thị C, Chu Thị L, Phạm Thị H1, Trần Văn T, Trần Mạnh T, Nguyễn Thị N1, Phạm Thị N, Phạm Thị V, Nguyễn Thị H, Bùi Thị T, Đặng Thị T: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, có đủ căn cứ để xác định:

Trong các ngày từ ngày 25/7/2018 đến ngày 28/7/2018, Nguyễn Thị C; Phạm Thị H đã tổ chức cho các đối tượng tham gia đánh bạc thắng thua bằng tiền dưới hình thức ghi số lô, số đề trái phép thông qua việc gửi tin nhắn qua điện thoại di động, máy tính có kết nối mạng viễn thông. Căn cứ vào kết quả xổ số kiến thiết Miền Bắc hàng ngày để tính thắng thua với người chơi theo những tỷ lệ cụ thể đã thống nhất với nhau. Để thực hiện hành vi của mình, Nguyễn Thị C đã thuê Chu Thị L nhận và tổng hợp số lô, số đề từ những người mua, đối chiếu, tính toán thắng thua, thanh toán tiền thắng thua cho người đánh bạc, L chưa được nhận tiền công; Phạm Thị H thuê Trần Văn T thanh toán tiền thắng thua cho người đánh bạc, T chưa được nhận tiền công.

Nguyễn Thị C có 03 lần tổ chức cho các bị cáo khác đánh bạc bằng hình thức bán lô đề trái phép, thu lời 74.654.480 đồng. Cụ thể: Lần 1 (ngày 26/7/2018) Châm tổ chức cho Phạm Thị N; Nguyễn Thị N1 và N2 đánh bạc, số tiền đánh bạc là 77.148.250 đồng, C thu lời 33.776.400 đồng; Lần 2 (ngày 27/7/2018) C tổ chức cho Phạm Thị H, Trần Mạnh T, Q, V, Phạm Thị N, Nguyễn Thị N1, Bùi Thị T, Đặng Thị T, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị N2, Bùi Thị Thu H đánh bạc, số tiền đánh bạc là 630.697.340 đồng, C thu lời 40.878.080 đồng; Lần 3 (ngày 28/7/2018) C tổ chức cho Phạm Thị H, Trần Mạnh T, Q, V, Phạm Thị N, Nguyễn Thị N1, Bùi Thị T, Đặng Thị T, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị N2, Bùi Thị Thu H đánh bạc, số tiền đánh bạc là 628.976.855 đồng, chưa thanh toán với nhau.

Phạm Thị H có 03 lần tổ chức cho các bị cáo khác đánh bạc bằng hình thức bán lô đề trái phép, thu lời 652.450 đồng. Cụ thể: Lần 1 (ngày 25/7/2018) H đánh bạc với Đặng Thị T, số tiền đánh bạc là 8.628.100 đồng, H thua bạc. Lần 2 (ngày 27/7/2018) số tiền H nhận tiền đánh bạc của Nguyễn Thị Xuân T, Nguyễn Xuân H là 35.250.000 đồng, H chuyển cho C tiền mua lô đề và trúng thưởng là 10.917.800 đồng, H hưởng tiền chênh lệch từ ghi lô đề chuyển cho C là 652.450 đồng. Lần 3 (ngày 28/7/2018) H nhận tiền đánh bạc của Nguyễn Trường H, Hoàng Thị N là 46.044.400 đồng, H chuyển cho C tiền mua lô đề và trúng thưởng là 12.388.600 đồng, chưa thanh toán nên chưa xác định được tiền hưởng lợi.

Trần Mạnh T có 02 lần đánh bạc bằng hình thức mua lô đề trái phép được thua bằng tiền với Nguyễn Thị C. Cụ thể: Lần 1 (ngày 27/7/2018) số tiền Trần Mạnh T dùng đánh bạc là 330.300.950 đồng, chưa thanh toán. Lần 2 (ngày 28/7/2018) số tiền Trần Mạnh T dùng đánh bạc là 396.416.200 đồng, chưa thanh toán.

Bùi Thị T có 02 lần đánh bạc bằng hình thức mua lô đề trái phép được thua bằng tiền với Nguyễn Thị C. Cụ thể: Lần 1 (ngày 27/7/2018): số tiền Bùi Thị T

dùng đánh bạc là 47.320.550 đồng, chưa thanh toán cho nhau. Lần 2 (ngày 28/7/2018): số tiền Bùi Thị T dùng đánh bạc là 47.747.750 đồng, chưa thanh toán.

Nguyễn Thị N1 có 03 lần đánh bạc bằng hình thức mua lô đề trái phép được thua bằng tiền với Nguyễn Thị C, N1 thu lời 17.582.100 đồng. Cụ thể: Lần 1 (ngày 26/7/2018): số tiền N1 dùng đánh bạc là 26.005.900 đồng, N1 không hưởng lợi. Lần 2 (ngày 27/7/2018): số tiền N1 dùng đánh bạc là 37.017.900 đồng, N1 thu lời 17.582.100 đồng. Lần 3 (ngày 28/7/2018): số tiền N1 dùng đánh bạc là 36.276.560 đồng, chưa thanh toán đã bị cơ quan công an phát hiện.

Phạm Thị V có 02 lần đánh bạc bằng hình thức mua lô đề trái phép được thua bằng tiền với Nguyễn Thị C, thu lời 14.211.590 đồng. Cụ thể: Lần 1 (ngày 27/7/2018): số tiền V dùng đánh bạc là 43.613.410 đồng, V thu lời 14.211.590 đồng. Lần 2 (ngày 28/7/2018) số tiền V dùng đánh bạc là 26.622.300 đồng, chưa thanh toán với nhau.

Phạm Thị N có 03 lần đánh bạc bằng hình thức mua lô đề trái phép được thua bằng tiền với Nguyễn Thị C. Cụ thể: Lần 1 (ngày 26/7/2018): số tiền Phạm Thị N dùng đánh bạc là 28.330.500 đồng, Phạm Thị N không hưởng lợi. Lần 2 (ngày 27/7/2018): số tiền Phạm Thị N dùng đánh bạc là 24.226.820 đồng, Phạm Thị N không hưởng lợi. Lần 3 (ngày 28/7/2018): số tiền Phạm Thị N dùng đánh bạc là 15.677.440 đồng chưa thanh toán đã bị cơ quan công an phát hiện.

Đặng Thị T có 02 lần đánh bạc bằng hình thức mua lô đề trái phép được thua bằng tiền với Nguyễn Thị C, Phạm Thị H, thu lời 628.100 đồng. Cụ thể: Lần 1 (ngày 25/7/2018) số tiền Đặng Thị T dùng đánh bạc với Phạm Thị H là 8.628.100 đồng, T thu lời 628.100 đồng. Lần 2 (ngày 28/7/2018) số tiền Đặng Thị T đánh bạc với Nguyễn Thị C là 43.404.750 đồng, chưa thanh toán với nhau.

Nguyễn Thị H có 02 lần đánh bạc bằng hình thức mua lô đề trái phép được thua bằng tiền với Nguyễn Thị C. Cụ thể: Lần 1 (ngày 27/7/2018): số tiền H dùng đánh bạc là 11.185.360 đồng, H không hưởng lợi. Lần 2 (ngày 28/7/2018): số tiền H dùng đánh bạc là 6.395.095 đồng, chưa thanh toán.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Nguyễn Thị C, Chu Thị L, Phạm Thị H, Trần Văn T (tên khác: T1) về tội “Tổ chức đánh bạc” theo quy định tại điểm c, d khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự; xét xử bị cáo Trần Mạnh T về tội “Đánh bạc” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự; xét xử các bị cáo Nguyễn Thị N1, Phạm Thị N, Phạm Thị V, Nguyễn Thị H, Bùi Thị T, Đặng Thị T về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự là đúng pháp luật.

Bộ luật hình sự năm 2015 quy định:

“Điều 321. Tội đánh bạc

1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:

a...

b) Tiền hoặc hiện vật dùng đánh bạc trị giá 50.000.000 đồng trở lên;

...

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

Điều 322 . Tội tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc.

1. Người nào tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc trái phép thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

a...

c) Tổng số tiền, hiện vật dùng đánh bạc trong cùng 01 lần trị giá 20.000.000 đồng trở lên;

d) Có tổ chức nơi cầm cố tài sản cho người tham gia đánh bạc; có lắp đặt trang thiết bị phục vụ cho việc đánh bạc hoặc phân công người canh gác, người phục vụ khi đánh bạc; sắp đặt lối thoát khi bị vây bắt, sử dụng phương tiện để trợ giúp cho việc đánh bạc;

...

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”.

[3] Xét nội dung kháng cáo của các bị cáo thấy: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hại cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến trật tự công cộng, gây mất trật tự

trị an xã hội, gây ảnh hưởng xấu đến thuần phong mỹ tục, nếp sống văn minh xã hội chủ nghĩa.

Đánh giá vai trò của các bị cáo đồng phạm thì thấy: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, trong đó: Tội “Tổ chức đánh bạc” bị cáo C giữ vai trò thứ nhất, bị cáo Phạm Thị H giữ vai trò thứ 2, tiếp đó bị cáo L giúp sức tích cực cho bị C nên giữ vai trò thứ 3, bị cáo Trần Văn Tâm giúp sức cho bị cáo Phạm Thị H nhưng mức độ phạm tội ít nghiêm trọng hơn nên có vai trò thứ 4. Trong tội “Đánh bạc” thì các bị cáo đều là những đồng phạm thực hành, tham gia đánh bạc với C hoặc Phạm Thị H, hành vi phạm tội độc lập với nhau, trong đó bị cáo Nguyễn Thị N1, Phạm Thị N, Nguyễn Thị N2 thực hiện 3 hành vi phạm tội liên tiếp trong 3 ngày 26, 27, 28 tháng 7 năm 2018, các bị cáo Trần Mạnh T, Vũ Hồng Q, Bùi Thị T, Phạm Thị V, Đặng Thị T, Nguyễn Thị H thực hiện 2 hành vi phạm tội trong 2 ngày 27, 28 tháng 7 năm 2018. Các bị cáo còn lại thực hiện 1 hành vi phạm tội. Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào số lần đánh bạc, số tiền của từng bị cáo dùng vào đánh bạc để xem xét, xác định trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo là đúng pháp luật.

Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự với các bị cáo, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định các bị cáo Phạm Thị H, Nguyễn Thị N1, Nguyễn Thị H là người có nhân thân xấu, đã bị xét xử hoặc xử lý hành chính về hành vi đánh bạc với hình thức đánh lô, đề. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, các bị cáo kháng cáo đều phạm tội 02 lần trở lên nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo kháng cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là “thành khẩn khai báo” theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra các bị cáo Phạm Thị H, Đặng Thị T khi thực hiện hành vi phạm tội đang mang thai nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Phạm Thị N trong công tác có thành tích được tặng giấy khen, phối hợp với cơ quan điều tra trong quá trình giải quyết vụ án, có bố đẻ được thưởng Phạm Thị H huân chương kháng chiến, có chồng được thưởng Huy chương chiến sỹ vẻ vang, nên bị cáo Phạm Thị N được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm t khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Trần Mạnh T có thời gian tham gia quân đội và đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự, có bố đẻ là thương binh và được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến; bị cáo Phạm Thị V có bố và mẹ đẻ là thương binh và được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến; bị cáo Nguyễn Thị H có bố đẻ được Nhà nước tặng thưởng Huân chương

kháng chiến; Bị cáo Bùi Thị T có bố và mẹ đẻ được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến, vì vậy các bị cáo đã được xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá tính chất mức độ phạm tội của các bị cáo, xem xét đầy đủ các yếu tố về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo để quyết định mức án đối với các bị cáo Chu Thị L, Phạm Thị H, Trần Văn T, Trần Mạnh T, Bùi Thị T, Nguyễn Thị N1, Phạm Thị N, Nguyễn Thị H, Đặng Thị T là đã rất khoan hồng.

Tại cấp phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Thị N1 cung cấp đơn có xác nhận của UBND phường T, thành phố T về việc bố mẹ bị cáo là người được tặng thưởng huân, huy chương, là người có công với cách mạng; các bị cáo khác không đưa ra được tình tiết nào mới làm căn cứ xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo. Xét thấy các bị cáo đều phạm tội nhiều lần, không đủ điều kiện được hưởng án treo; bị cáo Nguyễn Thị N1 đã được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Vì vậy Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Chu Thị L, Phạm Thị H, Trần Văn T, Trần Mạnh T, Bùi Thị T, Nguyễn Thị N1, Phạm Thị N, Nguyễn Thị H, Đặng Thị T, cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về hình phạt và biện pháp chấp hành hình phạt đối với các bị cáo đó.

Đối với bị cáo Nguyễn Thị C, Phạm Thị V: bị cáo Nguyễn Thị C phạm tội “Tổ chức đánh bạc” theo khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự, có khung hình phạt từ 01 năm đến 05 năm, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo C 3 năm 06 tháng tù là có phần nghiêm khắc. Đối với bị cáo V đánh bạc 02 lần, tổng số tiền 2 lần đánh bạc là 70.220.710 đồng, phạm tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Phạm Thị V 02 năm tù là có phần nghiêm khắc và không đảm bảo cân bằng hình phạt với các bị cáo khác có số lần đánh bạc, số tiền đánh bạc tương đương trong vụ án. Vì vậy cần giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo C, V; tuy nhiên vẫn buộc các bị cáo phải cải tạo cách ly xã hội như đề nghị của Viện kiểm sát. Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo C, chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo V, sửa bản án sơ thẩm, giảm nhẹ cho các bị cáo đó một phần hình phạt để đảm bảo sự công bằng của pháp luật, tạo điều kiện để các bị cáo đó yên tâm cải tạo và sửa chữa sai lầm, trở thành công dân có ích cho xã hội.

[4] Về án phí: Các bị cáo Chu Thị L, Phạm Thị H, Trần Văn T, Trần Mạnh T, Bùi Thị T, Nguyễn Thị N1, Phạm Thị N, Nguyễn Thị H, Đặng Thị T kháng cáo

không được chấp nhận nên phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Nguyễn Thị C, Phạm Thị V kháng cáo được chấp nhận nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Chu Thị L, Phạm Thị H, Trần Văn T, Trần Mạnh T, Bùi Thị T, Nguyễn Thị N1, Phạm Thị N, Nguyễn Thị H, Đặng Thị T. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 53/2019/HSST ngày 18 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình về hình phạt và biện pháp chấp hành hình phạt đối với các bị cáo Chu Thị L, Phạm Thị H, Trần Văn T, Trần Mạnh T, Bùi Thị T, Nguyễn Thị N1, Phạm Thị N, Nguyễn Thị H, Đặng Thị T:

1.1 Áp dụng điểm c, d khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 50, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Chu Thị L 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án.

1.2 Áp dụng điểm c, d khoản 1 Điều 322; điểm n, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 50, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Thị H1 0 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án.

1.3 Áp dụng điểm c, d khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 50, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Văn T (tên gọi khác: T1) 01(một) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án.

1.4 Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 50, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Mạnh T 03 (ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án.

1.5 Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 50, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Bùi Thị T 02 (hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án.

1.6 Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 50, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị N1 01(một) năm 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án.

1.7 Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s, t khoản 1, 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 50, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Thị N 01(một) năm 03(ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án.

1.8 Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 50, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H 01(một) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

1.9 Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm n, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 50, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Đặng Thị T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

[2] Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự: Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị C; chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Phạm Thị V: Sửa bản án sơ thẩm số 53/2019/HSST ngày 18 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình về hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Thị C, Phạm Thị V:

2.1 Áp dụng điểm c, d khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị C 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 01/8/2018.

2.2 Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 50, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Thị V 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm b, h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Các bị cáo Chu Thị L, Phạm Thị H, Trần Văn T, Trần Mạnh T, Bùi Thị T, Nguyễn Thị N1, Phạm Thị N, Nguyễn Thị H, Đặng Thị T phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.

- Các bị cáo Nguyễn Thị C, Phạm Thị V không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án 22/8/2019./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- TAND, VKSND, CA, THADS thành phố Thái Bình;
- Bị cáo kháng cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa.
(đã ký)

Nguyễn Thị Thanh Bình